

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẢI PHÁP CÔNG NGHỆ FUZZI
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN GIẢI PHÁP CÔNG NGHỆ FUZZI

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0110572465

3. Ngày thành lập: 14/12/2023

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà 222 đường Dương Đình Nghệ, Phường Yên Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0917581018

Fax:

Email: fuzzi.com.vn@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
5.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: - Đại lý bán hàng hóa; - Môi giới mua bán hàng hóa.	4610
6.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
7.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
8.	Bán buôn thực phẩm	4632
9.	Bán buôn đồ uống	4633
10.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
11.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
12.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
13.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
14.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652(Chính)
15.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
16.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
17.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
18.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
19.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
20.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669

21.	Trồng cây ăn quả	0121
22.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210
23.	Khai thác gỗ	0220
24.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0231
25.	Thu nhặt lâm sản khác trừ gỗ	0232
26.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
27.	Khai thác và thu gom than cứng	0510
28.	Khai thác và thu gom than non	0520
29.	Khai thác dầu thô	0610
30.	Khai thác khí đốt tự nhiên	0620
31.	Khai thác quặng sắt	0710
32.	Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi	8220
33.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
34.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Xuất nhập khẩu hàng hoá Công ty kinh doanh (trừ loại Nhà nước cấm)	8299
35.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
36.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
37.	Lập trình máy vi tính	6201
38.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
39.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
40.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
41.	Cổng thông tin (loại trừ hoạt động báo chí)	6312
42.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Các dịch vụ thông tin qua điện thoại; - Các dịch vụ tìm kiếm thông tin thông qua hợp đồng hay trên cơ sở phí;	6399
43.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
44.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
45.	Quảng cáo	7310
46.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
47.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu (loại trừ hoạt động của những nhà báo độc lập; Thanh toán hồi phiếu và thông tin tỷ lệ lượng và Tư vấn chứng khoán)	7490
48.	Bán buôn tổng hợp	4690
49.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
50.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719

51.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
52.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
53.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
54.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc Lào trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
55.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
56.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt	0722
57.	Khai thác quặng kim loại quý hiếm	0730
58.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
59.	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón	0891
60.	Khai thác và thu gom than bùn	0892
61.	Khai thác muối	0893
62.	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu	0899
63.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên	0910
64.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác	0990
65.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
66.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
67.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
68.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
69.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
70.	Sản xuất đồng hồ	2652
71.	Sản xuất thiết bị bức xạ, thiết bị điện tử trong y học, điện liệu pháp	2660
72.	Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học	2670
73.	Sản xuất băng, đĩa từ tính và quang học	2680
74.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thể điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
75.	Sản xuất pin và ắc quy	2720
76.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
77.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
78.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
79.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
80.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
81.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
82.	Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu động hoặc tại chợ	4783
83.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (trừ hoạt động đấu giá tài sản)	4791
84.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931

85.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
86.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
87.	Bốc xếp hàng hóa	5224
88.	Xuất bản phần mềm	5820
89.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
90.	Cho thuê tài sản vô hình phi tài chính	7740
91.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
92.	Đại lý du lịch	7911
93.	Điều hành tua du lịch	7912
94.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
95.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
96.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng	3250
97.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
98.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
99.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
100.	Phá dỡ	4311
101.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
102.	Lắp đặt hệ thống điện	4321

6. Vốn điều lệ: 3.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	MAI VĂN QUÂN	Căn hộ 06 Tầng 10, tháp D, Khu nhà ở cho CBNVVPTW Đảng và Báo Nhân dân, tổ 8, Phường Xuân Phương, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	75.000	750.000.000	25,000	0360860149 20	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	75.000	750.000.000	25,000		
2	HỒ NGỌC AN	Số 22 Mai An Tiêm, Phường Tây Lộc, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	115.500	1.155.000.000	38,500	0460630045 36	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	115.500	1.155.000.000	38,500		

3	NGUYỄN THỊ NGUYỄN	Cụm 3, Xã Hạ Mỗ, Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	109.500	1.095.000.000	36,500	033188001248
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	109.500	1.095.000.000	36,500	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: MAI VĂN QUÂN

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 19/07/1986

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 036086014920

Ngày cấp: 29/04/2021

Nơi cấp: *Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: Căn hộ 06 Tầng 10, Tháp D, Khu nhà ở cho CBNVPTW Đảng và
Báo Nhân dân, tổ 8, Phường Xuân Phương, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội,
Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Căn hộ 06 Tầng 10, Tháp D, Khu nhà ở cho CBNVPTW Đảng và Báo Nhân dân, tổ 8, Phường Xuân Phương, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội